

Số: 07/2025/QĐST-DS

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 18, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự;

Xét thấy: Ngày 30-6-2025 người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Lâm Hoàng Quốc H là ông Lê Ngọc T có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Ngày 25-6-2025 bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1 đều có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố; Ngày 25-6-2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mạnh T2, bà Phan Thị T3, bà Đào Thị Thu T4, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đều có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập; Ngày 07-7-2025 ông Lâm Hoàng Đ và bà Lê Thị T5 đều có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc D và bà Đào Thị K đều không có yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng Quốc H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số nhà I, Thôn B, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn T, xã B (xã T, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Giấy uỷ quyền ngày 03-5-2024.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà I, Thôn D, xã D (xã L, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Cẩm T1: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà I, Thôn D, xã D (xã L, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Giấy uỷ quyền ngày 09-5-2024.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Minh C: Ông Nguyễn Tuấn H2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A, đường N, Tổ E, xã D (thị trấn D, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng. Hợp đồng uỷ quyền ngày 05-6-2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số I, Thôn B, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.
2. Bà Đào Thị K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số C, Thôn E, H (xã Đ, huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.
3. Ông Đào Mạnh T2, sinh năm 1983 và bà Phan Thị T3, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số I, Thôn B, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.
4. Bà Đào Thị Thu T4, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A, Thôn G, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A, Thôn A, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.
6. Ông Lâm Hoàng Đ, bà Lê Thị T5. Địa chỉ: Số nhà I, Thôn B, xã H, (huyện D cũ), tỉnh Lâm Đồng.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự:

Ông Lâm Hoàng Quốc H, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1, ông Đào Mạnh T2, bà Phan Thị T3, bà Đào Thị Thu T4, bà Nguyễn Thị Ngọc H1, ông Lâm Hoàng Đ, bà Lê Thị T5, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án. Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ kèm theo (*bản chính*) cho ông Lâm Hoàng Quốc H, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1, ông Đào Mạnh T2, bà Phan Thị T3, bà Đào Thị Thu T4, bà Nguyễn Thị Ngọc H1, ông Lâm Hoàng Đ, bà Lê Thị T5 nếu có yêu cầu.

Trả lại cho ông Lâm Hoàng Quốc H số tiền tạm ứng án phí Tòa án sơ thẩm 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng. Trụ sở: Số B, đường H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng Chi cục (*Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh cũ*) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0005776 ngày 24-4-2024.

Trả lại cho ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1 số tiền tạm ứng án phí Tòa án sơ thẩm 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng. Trụ sở: Số B, đường H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng Chi cục (*Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh cũ*) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004083 ngày 16-7-2024.

Trả lại cho ông Đào Mạnh T2, bà Phạm Thị T6 số tiền tạm ứng án phí Tòa án sơ thẩm 25.098.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng. Trụ sở: Số B, đường H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng Chi cục (*Chi cục Thi hành án dân sự huyện*

Di Linh cũ) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004421 ngày 09-12-2024.

Trả lại cho bà Đào Thị Thu T4 số tiền tạm ứng án phí Tòa án sơ thẩm 4.783.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng. Trụ sở: Số B, đường H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng Chi cục (*Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh cũ*) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004422 ngày 09-12-2024.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền tạm ứng án phí Tòa án sơ thẩm 11.596.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng. Trụ sở: Số B, đường H, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng Chi cục (*Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh cũ*) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004423 ngày 09-12-2024.

Ông Lâm Hoàng Đ, bà Lê Thị T5 thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (*người cao tuổi*).

Ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1 tự nguyện chịu chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc*), tổng cộng 5.549.658 đồng (*Năm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng*), đã nộp đủ và thanh quyết toán xong.

3. Đương sự, ông Lâm Hoàng Quốc H, ông Lê Ngọc T, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Cẩm T1, ông Nguyễn Tuấn H2, bà Trần Thị Ngọc D, bà Đào Thị K, ông Đào Mạnh T2, bà Phan Thị T3, bà Đào Thị Thu T4, bà Nguyễn Thị Ngọc H1, ông Lâm Hoàng Đ và bà Lê Thị T5 có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).